

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kia;

Bà Nguyễn Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thanh T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 187 HT, phường NM, thành phố QN, tỉnh Bình Định. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Minh P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ B phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Thanh T trình bày: Tôi và anh Lê Minh P tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 15/5/2016. Sau khi kết hôn chúng tôi sống chung tại thành phố QN, tỉnh Bình Định, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh P thiếu trách nhiệm với gia đình, chỉ một mình tôi gánh vác cho công việc gia đình, chính vì vậy vợ chồng hay cãi nhau, sống với nhau không hòa hợp nên không có hạnh phúc. Sau đó, anh P đã dẫn con bỏ về thị xã A, tỉnh Gia Lai sống cùng bố mẹ anh P. Tôi cảm thấy vợ chồng không còn tình cảm nữa nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh P. Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Lê Thiên B, sinh ngày 04/11/2017, tôi yêu cầu được nuôi

con, tôi đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Minh P trình bày trong hồ sơ có nội dung thể hiện: Tôi và cô Trương Thị Thanh T có thời gian tự nguyện chung sống và kết hôn như cô T đã trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thị xã A một thời gian rồi chuyển xuống QN để tiện việc đi làm. Quá trình sống chung tại QN vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do suy nghĩ khác nhau, kinh tế của vợ chồng không ổn định nên hay cãi vã nhau, vợ chồng không được hạnh phúc. Vì thế, tôi đã đem con về gia đình tôi ở A sinh sống một thời gian để vợ chồng suy nghĩ lại nhưng cũng không có tiếng nói chung. Tôi không muốn ly hôn nhưng nêu cô T cương quyết ly hôn thì Tòa án giải quyết theo quy định chứ tôi không ý kiến gì. Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Lê Thiên B, sinh ngày 04/11/2017 như cô T trình bày, hiện nay đang sống với cô T nên nếu Tòa án cho ly hôn tôi cũng đồng ý để con cho cô T nuôi, chứ không ý kiến gì. Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Thanh T. Về hôn nhân cho chị T được ly hôn với anh P. Về con chung giao con chung là cháu Lê Thiên B, sinh ngày 04/11/2017 cho chị T nuôi dưỡng. Về án phí, chị T phải chịu số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Trương Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh P, cư trú tại phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn. Bị đơn anh Lê Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Vì thế theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thanh T và anh Lê Minh P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị T và anh P là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh P có phát sinh mâu thuẫn, chị T không chấp nhận được nên đã ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Trong bản khai anh P cho rằng không đồng ý ly hôn, mong muốn chị T quay về để vợ chồng đoàn tụ nhưng Tòa án triệu tập anh P đến để hòa giải cũng như triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa anh P đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, mặc dù anh P không đồng ý ly hôn nhưng anh P không đến các phiên hòa giải cũng như phiên tòa để thể hiện rõ ý kiến của anh là mong muốn đoàn tụ với chị T mà bỏ mặc đối với yêu cầu ly hôn của chị

T, thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ cùng chị T. Hơn nữa, hiện nay chị T và anh P đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm gì đến tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị T có cơ sở nên chấp nhận, cho chị Trương Thị Thanh T được ly hôn với anh Lê Minh P là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung Lê Thiên B, sinh ngày 04/11/2017, chị T yêu cầu được nuôi con. Trong các bản khai anh P đồng ý để chị T nuôi, vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu B cho chị T tiếp tục nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị T trình bày có thu thập, đảm B được cuộc sống của con nên không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thanh T.

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị Thanh T được ly hôn với anh Lê Minh P.

- Về nuôi con chung: Giao cho chị Trương Thị Thanh T nuôi con chung là Lê Thiên B, sinh ngày 04/11/2017 cho đến khi cháu B thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí: Trương Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011611 ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2022) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- UBND phường AB, TX. A (Đề ghi vào sổ hộ tịch; Kết hôn số 46, ngày 15/8/2016);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn